

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHÚ THỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 99/QĐ-UBND

Phú Thị, ngày 04 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách xã Phú Thị
quý II và 6 tháng đầu năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ THỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 61;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã Phú Thị về việc phê chuẩn dự toán thu - chi ngân sách xã năm 2023;

Xét đề nghị của bộ phận Tài chính - Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách xã quý II và 6 tháng đầu năm 2023 của xã Phú Thị (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân, Bộ phận Tài chính - Kế toán xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các thôn;
- Lưu: VP, KT.



Nguyễn Đức Chấn

Số: 103/TB-UBND

Phú Thị, ngày 04 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách xã Quý 2 và 6 tháng năm 2023**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Thực hiện thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 61,

UBND xã Phú Thị thông báo công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý 2 và 6 tháng năm 2023 như sau:

1. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 2 và 6 tháng năm 2022

1.1. Công khai số liệu thực hiện dự toán NSTT quý 2 và 6 tháng năm 2023

*** TT 343/TT-BTC:**

- Cân đối NS xã quý 2 và 6 tháng năm 2023 (Biểu số 113/CK TC-NSNN);
- Thực hiện thu NSTT quý 2 và 6 tháng năm 2023 (Biểu số 114/CK TC-NSNN);
- Thực hiện chi NSTT quý 2 và 6 tháng năm 2023 (Biểu số 115/CK TC-NSNN).

*** TT 90/2018/TT-BTC**

- Đánh giá thực hiện Dự toán thu, chi NS xã quý 2 năm 2023 (Biểu số 3

1.2. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 2 và 6 tháng năm 2023

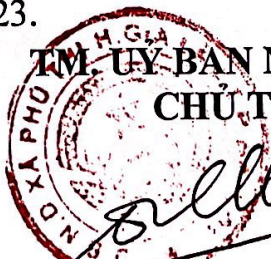
2. Hình thức công khai: công bố niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC, thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã, nhà văn hóa các thôn.

3. Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày 4/7/2023

UBND xã thông báo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 2 và 6 tháng năm 2023.

Nơi nhận:

- Bộ phận TC-KT; VP-TK (để thực hiện);
- Đài xã (để phát thanh);
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Nguyễn Đức Chấn



THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện Dự toán ngân sách xã
Quý 2 và 6 tháng năm 2023

A. THU NGÂN SÁCH

Thực hiện thu ngân sách nhà nước quý 2 năm 2023: 2.235.300.723 đồng bằng 13.4% dự toán huyện và HĐND xã giao. Thực hiện thu ngân sách xã là 1.659.820.723 đồng, bằng 11.1% dự toán giao.

Thực hiện thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023: 10.762.738.328 đồng bằng 64.3% dự toán huyện và HĐND xã giao. Thực hiện thu ngân sách xã là 9.803.918.328 đồng, bằng 65.8% dự toán giao.

1. Các khoản thu xã hưởng 100%: quý 2 đạt 498.320.723 đồng, lũy kế 6 tháng đạt 679.630.151 đồng, bằng 20.9% dự toán giao

- Thu phí và lệ phí: quý 2 thu 10.273.000 đồng, lũy kế 6 tháng 15.268.000 đồng, bằng 44.9% dự toán giao;
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: quý 2 thu 170.152.213 đồng, lũy kế 6 tháng đạt 301.168.010 đồng bằng 16.7% dự toán giao;
- Thu lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh: quý 2 thu 8.200.000 đồng, lũy kế 6 tháng đạt 67.800.000 đồng bằng 105.9% dự toán giao;
- Thu lệ phí trước bạ nhà, đất: quý 2 đạt 43.819.510 đồng, 6 tháng đạt 72.831.119 đồng bằng 43.6% dự toán giao;
- Thu đền bù khi NN thu hồi đất: 0 đồng
- Thu phạt, thu khác: quý 2 đạt 8.402.000 đồng, 6 tháng đạt 8.402.000 đồng bằng 4.2% dự toán giao.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện: quý 2 thu 950.000.000 đồng, 6 tháng đạt 2.150.000 đồng, bằng 45.9% dự toán giao. Trong đó:

- Bổ sung cân đối ngân sách: 2.150.000.000 đồng, bằng 50% DT giao;
- Bổ sung có mục tiêu: 311.500.000 đồng bằng 100% dự toán huyện giao.

B. CHI NGÂN SÁCH (Biểu số 115/CK TC-NSNN)

Thực hiện chi ngân sách xã quý 2 đạt 1.496.217.336 đồng, 6 tháng đạt 2.729.064.190 đồng bằng 34.3% dự toán HĐND giao.

I. Chi xây dựng cơ bản: 0 đồng

II. Chi thường xuyên: quý 2 chi 1.496.217.336 đồng bằng 18.8% dự toán giao, lũy kế 6 tháng đạt 2.729.064.190 đồng bằng 34.3% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số KHH gia đình: quý 2 đạt 9.780.000 đồng, lũy kế 6 tháng đạt 15.520.000 đồng, bằng 77.6% dự toán giao;
- Chi phát thanh: quý 2 chi 15.440.150 đồng, lũy kế 6 tháng đạt 21.005.300 đồng, bằng 35.6% dự toán giao;
- Chi hoạt động kinh tế: quý 2 chi 4.740.000 đồng, 6 tháng đạt 4.740.000 đồng bằng 9.5% dự toán giao.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 2 VÀ 6 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ 2	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH QUÝ 2(%)	SO SÁNH 6 THÁNG (%)
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1
I	TỔNG SỐ THU	14.909.288.177	1.659.820.723	9.803.918.328	11,1	65,8
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	3.249.000.000	498.320.723	679.630.151	15,3	20,9
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)					
3	Thu bổ sung	4.997.500.000	1.161.500.000	2.461.500.000	23,2	49,3
	- Thu bổ sung cân đối	4.686.000.000	950.000.000	2.150.000.000	20,3	45,9
	- Thu bổ sung có mục tiêu	311.500.000	211.500.000	311.500.000	67,9	100,0
4	Thu chuyển nguồn	6.662.788.177	-	6.662.788.177	-	100,0
5	Thu kết dư năm trước	-	-	-		
II	TỔNG SỐ CHI	8.407.500.000	1.496.217.336	2.729.064.190	17,8	32,5
1	Chi đầu tư phát triển	300.000.000	-	-		
2	Chi thường xuyên	7.946.500.000	1.496.217.336	2.729.064.190	18,8	34,3
3	Dự phòng	161.000.000	-	-	-	-
4	Chuyển nguồn CCTL	-				



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 2 VÀ 6 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		THỰC HIỆN QUÝ 2		THỰC HIỆN 6 THÁNG		SO SÁNH QUÝ 2 (%)			SO SÁNH 6 TH(%)		
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSX
		1	2	3	4	5	6	7=3/1	8=4/2	9=5/1	10=6/2		
A	B												
	TỔNG THU	16.739.288.177	14.909.288.177	2.235.300.723	1.659.820.723	10.762.738.328	9.803.918.328	13,4	11,1	64,3		65,8	
I	Các khoản thu 100%	3.249.000.000	3.249.000.000	498.320.723	498.320.723	679.630.151	679.630.151	15,3	15,3	20,9		20,9	
	Phí, lệ phí	34.000.000	34.000.000	10.273.000	10.273.000	15.268.000	15.268.000	30,2	30,2	44,9		44,9	
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.800.000.000	1.800.000.000	257.474.000	257.474.000	301.168.010	301.168.010	14,3	14,3	16,7		16,7	
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	684.000.000	684.000.000	170.152.213	170.152.213	214.161.022	214.161.022	24,9	24,9	31,3		31,3	
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	64.000.000	64.000.000	8.200.000	8.200.000	67.800.000	67.800.000	12,8	12,8	105,9		105,9	
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	167.000.000	167.000.000	43.819.510	43.819.510	72.831.119	72.831.119	26,2	26,2	43,6		43,6	
	Thu đền bù khi NN thu hồi đất	300.000.000	300.000.000	-	-	-	-	-	-	0,0		0,0	
	Thu khác	200.000.000	200.000.000	8.402.000	8.402.000	8.402.000	8.402.000	4,2	4,2	4,2		4,2	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.830.000.000	-	575.480.000	-	958.820.000	-	31,4		52,4			
1	Các khoản thu phân chia												
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.830.000.000	-	575.480.000	-	958.820.000	-	31,4		52,4			
	- Thu thuế công thương nghiệp - dịch vụ, ngoài quốc doanh	1.240.000.000	-	364.086.000	-	607.321.000	-	29,4		49,0			
	+ Thuế giá trị gia tăng	1.240.000.000		364.086.000		607.321.000		29,4		49,0			
	+ Thuế tiêu thụ đặc biệt			-									
	- Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động KD	590.000.000		211.394.000		351.499.000		35,8		59,6			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	6.662.788.177	6.662.788.177			6.662.788.177	6.662.788.177	-		100,0			
IV	Thu chuyển nguồn												
V	Thu kết dư ngân sách năm trước												
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.997.500.000	4.997.500.000	1.161.500.000	1.161.500.000	2.461.500.000	2.461.500.000	23,2	23	49,3		49,3	
	- Thu bổ sung cân đối	4.686.000.000	4.686.000.000	950.000.000	950.000.000	2.150.000.000	2.150.000.000	20,3	20	45,9		45,9	
	- Thu bổ sung có mục tiêu	311.500.000	311.500.000	211.500.000	211.500.000	311.500.000	311.500.000	67,9	68	100,0		100,0	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 2 VÀ 6 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			THỰC HIỆN QUÝ 2			THỰC HIỆN 6 THÁNG			SO SÁNH QUÝ 2 (%)			SO SÁNH 6 TH(%)		
		THU NSNN	THU NSX	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSX
		1	2	3	4	5	6	7=3/1	8=4/2	9=5/1	10=8/2	11	12=15/1	13=20/7	14=44,9	15=16,7
A	B	16.739.288.177	14.909.288.177	1.651.418.723	1.651.418.723	9.795.516.329	9.795.516.329	9,9	11	58,5	65,7					
I	TỔNG THU	3.249.000.000	3.249.000.000	489.918.723	489.918.723	671.228.152	671.228.152	15,1	15	20,7	20,7					
	Các khoản thu 100%	34.000.000	34.000.000	10.273.000	10.273.000	15.268.000	15.268.000	30,2	30	44,9	44,9					
	Phí, lệ phí	1.800.000.000	1.800.000.000	257.474.000	257.474.000	301.168.010	301.168.010	14,3	14	16,7	16,7					
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	684.000.000	684.000.000	170.152.213	170.152.213	214.161.022	214.161.022	24,9	25	31,3	31,3					
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	64.000.000	64.000.000	8.200.000	8.200.000	67.800.000	67.800.000	12,8	13	105,9	105,9					
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	167.000.000	167.000.000	43.819.510	43.819.510	72.831.119	72.831.119	26,2	26	43,6	43,6					
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	300.000.000	300.000.000	-	-	-	-	-	-	0,0	0,0					
	Thu đền bù khi NN thu hồi đất	200.000.000	200.000.000	-	-	1	1	-	-	0,0	0,0					
	Thu khác	1.830.000.000	-	-	-	-	-	-	-	0,0	0,0					
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
1	Các khoản thu phân chia	-	-	-	-	-	-	-	-	0,0	0,0					
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.830.000.000	-	-	-	-	-	-	-	0,0	0,0					
	- Thu thuế công thương nghiệp - dịch vụ, ngoài quốc doanh	1.240.000.000	-	-	-	-	-	-	-	0,0	0,0					
	+ Thuế giá trị gia tăng	1.240.000.000	-	-	-	-	-	-	-	0,0	0,0					
	+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
	- Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động KD	590.000.000	-	-	-	-	-	-	-	0,0	0,0					
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
IV	Thu chuyển nguồn	6.662.788.177	6.662.788.177	-	-	6.662.788.177	6.662.788.177	-	-	100,0	100,0					
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.997.500.000	4.997.500.000	1.161.500.000	1.161.500.000	2.461.500.000	2.461.500.000	23,2	23	49,3	49,3					
	- Thu bổ sung cân đối	4.686.000.000	4.686.000.000	950.000.000	950.000.000	2.150.000.000	2.150.000.000	20,3	20	45,9	45,9					
	- Thu bổ sung có mục tiêu	311.500.000	311.500.000	211.500.000	211.500.000	311.500.000	311.500.000	67,9	68	100,0	100,0					



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 2 VÀ 6 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: đồng

[illegible]